TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v tranh chấp "hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 447/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: số A ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: số C ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: số B ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1984; địa chỉ: số B ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, trong quá trình tố tụng ông Phạm Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Vào khoảng năm 2022 ông Lê Thanh B có tham gia dây hụi do bà L làm chủ hụi, ông B tham gia 02 phần hụi, hụi 3.000.0000 đồng/tháng, hụi có 23 phần. Ông B hốt hụi chết nên phải còn đóng lại 19 phần, số tiền ông B còn phải đóng là 19 phần hụi chết cụ thể là 19 x 3.000.000 đồng là 57.000.000 đồng do ông B tham 02 phần nên số tiền hụi chết ông B và bà H còn nợ bà L là 114.000.000 đồng. Sau đó,

ông B có xác nhận nội dung còn nợ bà L số tiền 114.000.000 đồng, theo Giấy giao hụi ngày 20/8/2023 ông B có ký tên nhận hụi. Ông B chơi hụi để có tiền xoay sở cuộc sống gia đình chung. Từ ngày ký nhận nợ tiền hụi ông B không đóng hụi chết lại cho bà L, hiện nay hụi đã mãng.

Nay bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mà ông B và bà H còn nợ nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H trả tiền hụi còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Đ. Đối với bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không

có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là văn bản có tiêu đề "Giấy giao hụi" ngày 20/8/2023 (bản chính) có nội dung thể hiện: ông Lê Thanh B có tham gia 02 phần hụi do bà Bùi Thị L làm chủ hụi, hụi 3.000.0000 đồng/tháng, hụi có 23 phần, ông B tham gia 02 phần, ông B đã hốt hụi, số tiền phải đóng 57.000.000 đồng/phần hụi, do ông B tham 02 phần nên số tiền hụi ông B còn nợ bà Bùi Thị L tổng cộng là 114.000.000 đồng, ông B có ký tên tại mục bên nhận hụi trong "Giấy giao hụi" ngày 20/8/2023.

Đối với ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Mặc khác, theo công văn số 36/CV-UBND ngày 09/01/2025 của UBND thị trấn T, huyện T; Biên bản xác minh ngày 06/01/2025 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 là Trưởng ấp T, thị trấn T, huyện T thể hiện: ông Lê Thanh B, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: 2 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre không có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T nhưng ông B và bà H sống chung như vợ chồng, có 02 con chung, ông B và bà H cùng làm kinh tế chung để chăm lo cho gia đình, không có làm kinh tế riêng.

[5] Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Bùi Thị L với bị đơn ông Lê Thanh B có xác lập, thực hiệp hợp đồng góp hụi. Qua đó, thể hiện ông Lê Thanh B còn nợ bà Bùi Thị L số tiền 114.000.000 đồng. Hợp đồng góp hụi giữa bà Bùi Thị L và ông Lê Thanh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại các Điều 116, 117, 119, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Do đó, cần buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp. Do nguyên đơn không yêu tính lãi nên không xem xét.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L được chấp nhận nên ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là

5.700.000 đồng. Bà Bùi Thị L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L đối với bị đơn ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H. Buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền hụi còn nợ là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng). Bà Bùi Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Mai H phải liên đới nộp 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

2.2. Bà Bùi Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003553 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú